

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/DS-ST

Ngày: 09-9-2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hương Thị Ngọc H, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Số 169/15, khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy L. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 110/9E, khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Hương Thị Ngọc H trình bày:

Do mối quan hệ cùng xóm nên sáng ngày 30/12/2018 âm lịch, bà có cho bà Nguyễn Thị Thúy L mượn 300.000 đồng; chiều cùng ngày, bà cho bà L mượn thêm 3.000.000 đồng, tổng cộng 3.300.000 đồng. Do bà cho bà L mượn số tiền không nhiều nên bà không tính lãi và cũng không làm giấy tờ nhưng có thỏa thuận khi nào bà cần thì cho bà L hay sẽ trả lại.

Khoảng tháng 3/2019, bà có cho bà L hay sẽ lấy lại tiền nhưng vẫn không thấy bà L có thiện chí trả nợ nên bà có đến nhà bà L để đòi nhiều lần thì bà Liễu có trả được 270.000 đồng thì không trả tiếp; vì vậy bà có gửi đơn yêu cầu Ban nhân dân khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh A giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 13/3/2019 của Ban nhân dân khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh A, bà L thừa nhận còn nợ bà số tiền 3.300.000 đồng nhưng xin được trả dần cho bà mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian trả kể từ ngày 15/4/2019 đến khi dứt nợ, tuy nhiên sau đó bà L không thực hiện như cam kết mặc dù bà đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Liễu có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng chẵn), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thúy L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà L đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà L vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mà không có lý do, nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, là đã tự nguyện từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn bà Hương Thị Ngọc H yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Thúy L phải có trách nhiệm trả dứt số tiền vay 3.000.000 đồng. Nguyên đơn bà H căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 13/3/2019 của Ban nhân dân khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang có nội dung thể hiện bị đơn bà L đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà H số tiền 3.300.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian trả kể từ ngày 15/4/2019 đến khi dứt nợ. Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra nguyên đơn bà H không yêu cầu bị đơn bà L phải trả lãi phát sinh nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Hương Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thúy L phải trả dứt số tiền đã mượn, tức vay không lãi nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thúy L với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số 110/9E, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thúy L theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bà Nguyễn Thị Thúy L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hương Thị Ngọc H. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của bà Nguyễn Thị Thúy L và được Công an phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Thị Thúy L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 110/9E, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hiện bà Nguyễn Thị Thúy L cư trú và sinh sống ổn định tại địa chỉ nêu trên. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thúy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Hương Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thúy L phải có trách nhiệm trả dứt số tiền vay còn nợ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Bà Hiền cung cấp biên bản hòa giải ngày 13/3/2019 của Ban nhân dân khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (bút lục 05, 06) có nội dung thể hiện bà L thừa nhận còn nợ bà H số tiền 3.300.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian trả kể từ ngày 15/4/2019 đến khi dứt nợ. Như vậy nguyên đơn bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh của mình đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà L vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy không làm việc được với bị

đơn bà L nhưng Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là sự thừa nhận của bị đơn tại biên bản hòa giải ngày 13/3/2019 của Ban nhân dân khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, xác định việc bị đơn bà L có vay tiền của nguyên đơn bà H và hiện vẫn còn nợ nguyên đơn vốn gốc 3.300.000 đồng là có thật; vì vậy nguyên đơn bà H chỉ yêu cầu bị đơn bà L hoàn trả một phần vốn gốc 3.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 465 Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài yêu cầu trả vốn gốc thì nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là: 3.000.000 đồng x 5% = 300.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của bà Hương Thị Ngọc H được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003047 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hương Thị Ngọc H. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ trả cho bà Hương Thị Ngọc H số tiền là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Bà Hương Thị Ngọc H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Hương Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003047 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Xuân Thu